

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HSST

Ngày 25/04/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Diêm Trọng Khoa.

Ông Lê Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Khuyến - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 04 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 tại tỉnh Bắc Ninh; nơi ĐKHKTT: **thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1955 và bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1955; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3; có vợ là **Lê Thị M**, sinh năm 1995 và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2023 đến ngày 01/12/2023 được thay thế bằng biện pháp Bảo Lãnh; có mặt.

2. Nông Văn H, sinh năm 1991 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi ĐKHKTT: **thôn K, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nông Văn T2**, sinh năm 1966 và bà **Triệu Thị H1**, sinh năm 1971; gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ nhất; vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2023 đến ngày 01/12/2023 được thay thế bằng biện pháp Bảo Lãnh; có mặt.

3. **Dương Văn T3**, sinh năm 1999 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi ĐKKHKT: **thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Dương Văn H2**, sinh năm 1972 và bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1974; gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ hai; vợ, con: không; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2023 đến ngày 28/9/2023 được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Phùng Quang K**, sinh năm 1983, trú tại: **khu phố C, phường C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh**; xin xét xử vắng mặt.

2. Chị **Trương Thị Hồng V**, sinh năm 1995, trú tại: **thôn P, xã C, huyện Q, tỉnh Lạng Sơn**; vắng mặt.

3. Anh **Triệu Văn C1**, sinh năm 1993, trú tại: **B, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**; vắng mặt.

4. Chị **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1991, trú tại: **khu phố L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**; vắng mặt.

5. Anh **Đình Công T4**, sinh năm 1992, trú tại: **khu N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**; vắng mặt.

6. Chị **Đình Thị Mỹ D**, sinh năm 1996, trú tại: **L, thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình**; **có mặt**.

7. Anh **Bùi Văn C2**, sinh năm 1987, trú tại: **Xóm C, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình**; vắng mặt.

8. Anh **Ngô Văn H3**, sinh năm 1988, trú tại: **khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh**; vắng mặt.

9. Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 2000, trú tại: **Khu E, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**; vắng mặt.

10. Anh **Vi Văn M1**, sinh năm 1991, trú tại: **H, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn**; vắng mặt.

11. Anh Ngọc Văn H4, sinh năm 1989, trú tại: N, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; xin xét xử vắng mặt.

12. Anh Vũ Ngọc H5, sinh năm 1987, trú tại: khu phố N, phường Y, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

13. Chị Hà Thị N1, sinh năm 1997, trú tại: thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. vắng mặt.

14. Anh Ngân Văn L1, sinh năm 1991, trú tại: thôn G, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

15. Anh Hạc Văn D1, sinh năm 1985, trú tại: Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

16. Anh Lê Trần H6, sinh năm 1994, trú tại: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; xin xét xử vắng mặt.

17. Chị Trương Thị B, sinh năm 1991, trú tại: thôn C, xã V, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

18. Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1994, trú tại: tổ dân phố số D, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

19. Anh Xin Văn A, sinh năm 1998, trú tại: thôn N, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang; có mặt.

20. Anh Nguyễn Văn C3, sinh năm 1989, trú tại: khu phố P, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

21. Anh Nguyễn Văn C4, sinh năm 1995, trú tại: khu phố T, phường V, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

22. Anh Nguyễn Đăng B1, sinh năm 1997, trú tại: khu phố N, phường V, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

23. Anh Lê Thanh H7, sinh năm 1993, trú tại: Xóm D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

24. Anh Đàm Minh H8, sinh năm 1995, trú tại: Xóm B, xã B, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; xin xét xử vắng mặt.

25. Anh Hoàng Kim C5, sinh năm 1994, trú tại: Khu A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

26. Chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1986, trú tại: bản N, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.
27. Anh Nguyễn Văn T6, sinh năm 1998, trú tại: Bản T, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.
28. Anh Bùi Văn B2, sinh năm 1998, trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.
29. Anh Hoàng Văn T7, sinh năm 2000, trú tại: bản L, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
30. Anh Dì A N2, sinh năm 2001, trú tại: Bản H, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.
31. Anh Lường Văn T8, sinh năm 1994, trú tại: khu phố Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.
32. Anh Phạm Văn A1, sinh năm 1999, trú tại: thôn X, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.
33. Anh Phan Văn T9, sinh năm 1997, trú tại: T, V, S, Tuyên Quang; vắng mặt.
34. Anh Hoàng Hải S1, sinh năm 1981, trú tại: Làng N, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.
35. Anh Lương Thế K1, sinh năm 2004, trú tại: Xóm Y, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.
36. Anh Phạm Văn B3, sinh năm 1982, trú tại: khu phố T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.
37. Anh Lương Minh K2, sinh năm 1999, trú tại: bản P, xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.
38. Anh Ngô Văn C6, sinh năm 1996, trú tại: bản C - Cồn V, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
39. Chị Nguyễn Thị Á, sinh năm 1999, trú tại: Xóm F, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; vắng mặt.
40. Chị Lương Thị T10, sinh năm 1995 trú tại: xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

41. Anh **Nông Văn T11**, sinh năm 1982, trú tại: **thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang**; vắng mặt.

42. Anh **Lò Văn T12**, sinh năm 2001, trú tại: **Bản L, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu**; vắng mặt.

43. Anh **Vi Văn T13**, sinh năm 1989, trú tại: **thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa**; vắng mặt.

44. Anh **Nông Văn H9**, sinh năm 2002, trú tại: **thôn X, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng**; vắng mặt.

45. Anh **Nông Văn N3**, sinh năm 1993, trú tại: **Bản T, xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang**; vắng mặt.

46. Anh **Nông Văn H10**, sinh năm 1992, trú tại: **xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn**; vắng mặt.

47. Anh **Lường Văn T14**, sinh năm 1994, trú tại: **Xóm C, xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình**; vắng mặt.

48. Chị **Trương Thị B4**, sinh năm 2000, trú tại: **thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; vắng mặt.

49. Anh **Đoạn Văn Đ**, sinh năm 1994, trú tại: **xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang**; vắng mặt.

50. Anh **Trần Văn Q**, sinh năm 1992, trú tại: **khu phố Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**; vắng mặt.

51. Chị **Nông Thị L2**, sinh năm 1985, trú tại: **xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn**; vắng mặt.

52. Anh **Phùng Trung K3**, sinh năm 1998, trú tại: **bản N, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**; vắng mặt.

53. Anh **Đỗ Văn C7**, sinh năm 1988, trú tại: **Xóm F, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**; vắng mặt.

54. Anh **Ngô Xuân L3**, sinh năm 1993, trú tại: **bản N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn**; vắng mặt.

55. Anh **Ngô Văn K4**, sinh năm 1990, trú tại: **thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang**; vắng mặt.

56. Anh **Chu Văn T15**, sinh năm 1987, trú tại: **thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**; vắng mặt.

57. Anh **Đàm Văn N4**, sinh năm 1994, trú tại: **N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng**; xin xét xử vắng mặt.

58. Anh **Nguyễn Văn T16**, sinh năm 1988, trú tại: **khu E, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**; vắng mặt.

59. Ông **Đàm Văn T17**, sinh năm 1973, trú tại: **khu Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**; vắng mặt.

60. Anh **Nguyễn Văn H11**, sinh năm 1983, trú tại: **thôn V, xã V, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B** (PC02) nhận được đơn tố cáo của chị **Trương Thị Hồng V**, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú: **thôn P, xã C, huyện Q, tỉnh Lạng Sơn**; anh **Triệu Văn C1**, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: **thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**; anh **Đình Công T4**, sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú: **khu N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**; anh **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú: **khu L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** và anh **Đàm Minh H8**, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú: **xóm B, xã B, huyện Q, tỉnh Cao Bằng** về việc **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: **thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh**; **Nông Văn H**, sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú: **thôn K, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn** và **Dương Văn T3**, sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: **thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn** có hành vi Cho vay lãi nặng với mức lãi suất cao hơn nhiều lần mức lãi suất cao nhất do Ngân hàng quy định.

Quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B** xác định **Nguyễn Văn T**, **Nông Văn H** và **Dương Văn T3** có hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Ngày 13/9/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B** (PC02) ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với **T** và **H** để điều tra vụ việc.

Cùng ngày 13/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B** tiến hành khám xét khẩn cấp cơ sở cầm đồ “Đàm Tuyển” do **H** quản lý; cơ sở cầm đồ “Nguyễn Huy” do **T3** quản lý cùng địa chỉ tại: **khu Đ, phường N, thành phố B, tỉnh**

Bắc Ninh và chỗ ở của Nguyễn Văn T tại thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S22 Ultra màu đỏ lắp sim số 0347.148.789 và 01 sim điện thoại Vinaphone của T.

*** Tại cửa hàng cầm đồ “Đàm Tuyển”.**

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh, lắp sim số 0393.421.343 của H.

- 13 bộ hồ sơ H cho vay tiền.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 12T1-101.86.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 28F1-215.02.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại BLADE, màu sơn trắng đen, không gắn biển kiểm soát.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 21A.8006782 mang tên chủ cơ sở kinh doanh Đàm Văn T17, sinh năm 1973, hộ khẩu thường trú: khu Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh do Phòng Tài chính - Kế hoạch - Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 19/4/2019.

- 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự số 17/2019 mang tên chủ cơ sở kinh doanh Đàm Văn T17 do Công an thành phố B cấp ngày 31/5/2019.

- 01 hợp đồng ủy quyền số 0322.2022/HĐUQ ngày 21/01/2022, bên ủy quyền là Đàm Văn T17, bên được ủy quyền là Nguyễn Văn T.

*** Tại cửa hàng cầm đồ “Nguyễn H11”.**

- 12 bộ hồ sơ Thảo cho vay tiền.

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA loại WAVE, màu sơn đen bạc biển kiểm soát 36H1-098.98.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 21A.8003763 mang tên hộ kinh doanh Nguyễn Văn H11, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: thôn V, xã V, huyện Q (nay là thị xã Q), tỉnh Bắc Ninh do Phòng Tài chính - Kế hoạch - Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 15/3/2022.

Ngày 18/9/2023, Dương Văn T3 đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh B (PC02) đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 màu xanh lắp sim số 0989.520.817.

Quá trình điều tra xác định: Đầu năm 2022, T tự mở hiệu cầm đồ (không có giấy phép) tại Khu Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để cho vay lãi mục đích kiếm lợi nhuận. Quá trình cầm đồ, cho vay lãi, T biết anh Đàm Văn T17 và anh Nguyễn Văn H11 có địa điểm, giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cầm đồ, nên đã thỏa thuận thuê lại 02 địa điểm trên và mượn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của anh T17 và anh H11 để kinh doanh dịch vụ cầm đồ, anh T17 và anh H11 đồng ý. Ngày 21/02/2022, anh T17 và T đến Văn phòng C8, địa chỉ: Số B, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để làm Hợp đồng ủy quyền với nội dung “Anh T17 ủy quyền cho T tiếp tục thực hiện việc kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 21A.8006782, trong đó có dịch vụ cầm đồ....trong thời hạn là 02 năm”. Sau đó, anh T17 và anh H11 cho T mượn Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bàn giao lại 02 địa điểm kinh doanh cho T. Tới mở dịch vụ cầm đồ, cho vay tiền tại 02 địa điểm trên mang tên “Đàm Tuyền” và “Nguyễn H11” tại khu Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Quá trình thực hiện việc cho vay lãi, T bỏ vốn là 100.000.000 đồng và thuê Nông Văn H quản lý cửa hàng cầm đồ “Đàm Tuyền”; Dương Văn T3 quản lý cửa hàng cầm đồ “Nguyễn H11” đồng thời trả lương cho H và T3 mỗi người 6.000.000 đồng/1 tháng. Tới quy định và giao nhiệm vụ cho H và T3 cụ thể như sau:

Mức lãi suất cho vay từ 3000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi khách hàng đến vay tiền H, T3 kiểm tra giấy tờ, sau đó gọi điện cho T, nếu T đồng ý cho khách vay tiền thì H, T3 làm thủ tục cho khách hàng vay tiền như hợp đồng, giấy cầm cố tài sản, giấy nhận tiền hoặc chuyển khoản tùy theo yêu cầu của khách hàng.... và ký nhận vào các giấy tờ, với mức lãi suất từ 3.000 đồng đến 7.500 đồng/1 triệu/1 ngày. Đối với khách hàng vay tiền lần đầu phải cắt tiền lãi trước, khách hàng quen biết thì trả lãi sau 10 ngày hoặc 01 tháng, tùy theo khách hàng vay. Sau khi hoàn tất việc cho khách hàng vay tiền H, T3 ghi chép thông tin khách hàng, số tiền vay, lãi suất vào quyển sổ rồi dùng điện thoại chụp ảnh, gửi thông tin cho T trên nhóm Zalo tên “Tiền ra” do T lập để quản lý theo dõi khách hàng.

Việc thu tiền gốc, lãi suất khi đến hạn thì H, T3 đến gặp khách hàng hoặc gọi điện. Trường hợp khách hàng trả tiền gốc, tiền lãi bằng tiền mặt thì trực tiếp đưa tiền cho H, T3; trường hợp khách hàng trả tiền qua tài khoản ngân hàng thì H, T3 bảo khách hàng chuyển tiền vào tài khoản số 0351000820222 tại Ngân hàng thương mại cổ phần N5 (V1) của T và ghi chép vào quyển sổ chụp lại thông tin gửi lên nhóm Z cho T.

I. Hành vi Cho vay lãi nặng của Nguyễn Văn T và Nông Văn H.

1. Anh **Phùng Quang K**, sinh năm 1983, trú tại: **khu phố C, phường C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh** vay **400.000.000đ**, lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày, vay 02 lần, cụ thể: *Từ ngày 24/11/2022 đến ngày 04/12/2022 và từ ngày 12/12/2022 đến ngày 20/6/2023*, thế chấp, xe ô tô biển kiểm soát 99C-136.23, trả tiền mặt và chuyển khoản tiền lãi **67.000.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **12.054.795đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **52.945.205đ**.

2. Chị **Trương Thị Hồng V**, sinh năm 1995, trú tại: **thôn P, xã C, huyện Q, tỉnh Lạng Sơn** vay **20.000.000đ**, lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 28/02/2022 đến ngày 28/08/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, chuyển khoản tiền lãi **43.780.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **6.000.000đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **37.780.000đ**.

3. Anh **Triệu Văn C1**, sinh năm 1993, trú tại: **B, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên** vay **8.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ tháng 08/2022 đến tháng 08/2023, tín chấp đăng ký xe, căn cước công dân, trả tiền mặt và chuyển khoản tiền lãi **14.600.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **1.600.000đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **13.000.000đ**.

4. Chị **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1991, trú tại: **khu phố L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** vay **35.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 29/5/2023 đến ngày 29/6/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt và chuyển khoản tiền lãi **5.100.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **575.342đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **4.524.658đ**.

5. Chị **Đinh Thị Mỹ D**, sinh năm 1996, trú tại: **L, thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình** vay **8.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 13/9/2023 đến ngày 23/9/2023, tín chấp căn cước công dân, trả tiền mặt và chuyển khoản tiền lãi **4.000.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **438.356đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **3.561.644đ**.

6. Anh **Bùi Văn C2**, sinh năm 1987, trú tại: **Xóm C, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình** vay **8.000.000đ**, lãi suất 7.500đ/1 triệu/1 ngày, vay 04 lần, cụ thể: *Từ ngày 05/3/2023 đến ngày 05/4/2023; từ ngày 05/5/2023 đến ngày 15/5/2023; từ ngày 07/6/2023 đến ngày 17/6/2023 và từ đầu tháng 7/2023 đến ngày 15/8/2023*, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **1.500.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **109.589đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **1.390.411đ**.

7. Anh **Ngô Văn H3**, sinh năm 1988, trú tại: **khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh** vay **40.000.000đ**, lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 06/9/2023 đến ngày 16/9/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi

1.600.000đ. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **219.178**, **T** thu lợi bất chính số tiền **1.380.822đ**.

8. Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 2000, trú tại: **Khu E, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** vay **21.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay 03 lần, cụ thể: *Từ ngày 04/5/2023 đến ngày 14/5/2023; từ ngày 04/6/2023 đến ngày 14/6/2023 và từ ngày 04/8/2023 đến ngày 04/9/2023*, thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Wave Blade (chưa đăng ký biển kiểm soát), trả tiền mặt lãi **1.050.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **115.068đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **934.932đ**.

9. Anh **Vi Văn M1**, sinh năm 1991, trú tại: **H, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn** vay **5.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 02/8/2023 đến ngày 02/9/2023, tín chấp chứng minh nhân dân, trả tiền mặt lãi **750.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **82.192đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **667.808đ**.

10. Anh **Ngọc Văn H4**, sinh năm 1989, trú tại: **N, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn** vay **2.000.000đ**, lãi suất 7.500/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 17/7/2023 đến ngày 27/7/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **150.000đ**, mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **10.959đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **139.041đ**.

11. Anh **Vũ Ngọc H5**, sinh năm 1987, trú tại: **khu phố N, phường Y, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh** vay **2.000.000đ**, lãi suất 7.500/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 13/9/2023 đến ngày 23/9/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **150.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **10.959đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **139.041đ**.

12. Chị **Hà Thị N1**, sinh năm 1997, trú tại: **thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Thanh Hóa** vay **2.000.000đ**, lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 09/9/2023 đến ngày 19/9/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **140.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **10.959đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **129.041đ**.

13. Anh **Ngân Văn L1**, sin năm 1991, trú tại: **thôn G, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An** vay **1.500.000đ**, lãi suất 6.666đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 13/9/2023 đến ngày 23/9/2023, tín chấp đăng ký xe, giấy phép lái xe mô tô, trả tiền mặt lãi **100.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **8.219đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **91.781đ**.

14. Anh **Hạc Văn D1**, sinh năm 1985, trú tại: **Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên** vay **1.000.000đ**, lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 10/9/2023 đến ngày 20/9/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **70.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **5.479đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **64.521đ**.

15. Anh **Lê Trần H6**, sinh năm 1994, trú tại: **thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** vay **1.000.000đ**, lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 06/9/2023 đến ngày 16/9/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **70.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **5.479đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **64.521đ**.

16. Chị **Trương Thị B**, sinh năm 1991, trú tại: **thôn C, xã V, huyện B, tỉnh Thanh Hóa** vay **1.000.000đ**, lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 06/9/2023 đến ngày 16/9/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **70.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **5.479đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **64.521đ**.

17. Anh **Hoàng Văn S**, sinh năm 1994, trú tại: **tổ dân phố số D, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng** vay **1.000.000đ**, lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 05/9/2023 đến ngày 15/9/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **70.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **5.479đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **64.521đ**.

18. Anh **Xin Văn A**, sinh năm 1998, trú tại: **thôn N, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang** vay **1.000.000đ**, lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 13/9/2023 đến ngày 23/9/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **70.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **5.479đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **64.521đ**.

* Tổng số tiền **T** và **H** cho 18 người vay là **557.500.000** đồng, thu được tiền lãi **138.270.000** đồng. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **21.263.011** đồng, **T** thu lợi bất chính số tiền **117.006.989** đồng.

II. Hành vi Cho vay lãi nặng của **Nguyễn Văn T** và **Dương Văn T3**.

1. Anh **Nguyễn Văn C3**, sinh năm 1989, trú tại: **khu phố P, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh** vay **27.500.000đ**, lãi suất từ 5.000đ - 10.000đ/1 triệu/1 ngày, vay 06 lần, cụ thể: *Từ ngày 05/10/2022 đến ngày 15/10/2022; từ ngày 18/10/2022 đến ngày 06/4/2023; từ ngày 09/4/2023 đến ngày 19/4/2023; từ ngày 17/04/2023 đến ngày 17/5/2023; từ ngày 18/5/2023 đến ngày 27/6/2023 và từ ngày 22/6/2023 đến ngày 22/7/2023*, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt và chuyển khoản tiền lãi **6.500.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **410.411đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **6.089.489đ**.

2. Anh **Nguyễn Văn C4**, sinh năm 1995, trú tại: **khu phố T, phường V, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh** vay **20.000.000đ**, lãi suất từ 5.000đ /1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 14/7/2023 đến ngày 14/9/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt và

chuyển khoản tiền lãi **6.000.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **657.534đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **5.342.466đ**.

3. Anh **Đình Công T4**, sinh năm 1992, trú tại: **khu N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** vay **40.000.000đ**, lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 22/6/2023 đến ngày 22/7/2023, thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Honda loại SH biển kiểm soát 99G1-414.04, trả tiền mặt và chuyển khoản tiền lãi **4.800.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **657.534đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **4.142.466đ**.

4. Anh **Nguyễn Đăng B1**, sinh năm 1997, trú tại: **khu phố N, phường V, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh** vay **20.000.000đ**, lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 23/6/2023 đến ngày 01/9/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt và chuyển khoản tiền lãi **4.200.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **767.123đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **3.432.877đ**.

5. Anh **Lê Thanh H7**, sinh năm 1993, trú tại: **Xóm D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An** vay **10.000.000đ**, lãi suất 7.500đ/1 triệu/1 ngày, vay 05 lần, cụ thể: *Từ ngày 30/9/2022 đến ngày 19/10/2022; từ ngày 21/10/2022 đến ngày 10/11/2022; từ ngày 17/11/2022 đến ngày 25/02/2023; từ ngày 10/3/2023 đến ngày 29/4/2023 và từ ngày 21/7/2023 đến ngày 31/7/2023*, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt và chuyển khoản tiền lãi **3.000.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **219.178đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **2.780.821đ**.

6. Anh **Đàm Minh H8**, sinh năm 1995, trú tại: **Xóm B, xã B, huyện Q, tỉnh Cao Bằng** vay **16.000.000đ**, lãi suất 7.500đ/1 triệu/1 ngày, vay 08 lần, cụ thể: *Từ ngày 10/10/2022 đến ngày 10/11/2022; từ ngày 30/11/2022 đến ngày 09/12/2022; từ ngày 26/12/2022 đến ngày 15/01/2023; từ ngày 31/3/2023 đến ngày 09/4/2023; từ ngày 20/4/2023 đến ngày 10/5/2023; từ ngày 16/5/2023 đến ngày 15/6/2023; từ ngày 30/6/2023 đến ngày 10/7/2023 và từ ngày 04/8/2023 đến ngày 14/8/2023*, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **2.100.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **153.425đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **1.946.575đ**.

7. Anh **Hoàng Kim C5**, sinh năm 1994, trú tại: **Khu A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** vay **8.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 25/7/2023 đến ngày 25/8/2023, thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Dream biển kiểm soát 99G1- 156.40, trả tiền mặt và chuyển khoản tiền lãi **1.200.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **131.507đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **1.068.493đ**.

8. Chị **Nguyễn Thị T5**, sinh năm 1986, trú tại: **bản N, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang** vay **20.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 20/4/2023 đến ngày 30/4/2023, thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vision biển

kiểm soát 22B2-583.16, trả tiền mặt và chuyển khoản tiền lãi **1.000.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **109.589đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **890.411đ**.

9. Anh **Nguyễn Văn T6**, sinh năm 1998, trú tại: **Bản T, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang** vay **6.000.000đ**, lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày, vay 06 lần, cụ thể: *Từ đầu tháng 10/2022 đến đầu tháng 12/2022; từ ngày 17/12/2022 đến ngày 27/12/2022; từ ngày 20/02/2023 đến ngày 02/3/2023; từ ngày 27/04/2023 đến ngày 17/5/2023; từ ngày 17/06/2023 đến ngày 27/6/2023 và từ ngày 17/6/2023 đến ngày 17/7/2023*, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **910.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **71.233đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **838.767đ**.

10. Anh **Bùi Văn B2**, sinh năm 1998, trú tại: **Xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình** vay **10.000.000đ**, lãi suất 7.500đ/1 triệu/1 ngày, vay 05 lần, cụ thể: *Từ ngày 04/12/2022 đến ngày 14/12/2022; từ ngày 26/12/2022 đến ngày 05/01/2023; từ ngày 05/3/2023 đến ngày 15/3/2023; từ ngày 06/5/2023 đến ngày 16/5/2023 và từ ngày 23/5/2023 đến ngày 12/6/2023*, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt và chuyển khoản tiền lãi **900.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **65.753đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **834.247đ**.

11. Anh **Hoàng Văn T7**, sinh năm 2000, trú tại: **bản L, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn** vay **18.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, vay 06 lần, cụ thể: *Từ ngày 05/8/2023 đến ngày 15/8/2023; từ ngày 06/8/2023 đến ngày 16/8/2023; từ ngày 07/8/2023 đến ngày 17/8/2023; từ ngày 08/8/2023 đến ngày 18/8/2023; từ ngày 09/8/2023 đến ngày 19/8/2023 và từ ngày 10/8/2023 đến ngày 20/8/2023,*) tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt và chuyển khoản tiền lãi **900.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **98.630đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **801.370đ**.

12. Anh **Đì A N2**, sinh năm 2001, trú tại: **Bản H, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu** vay **5.000.000đ**, lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 21/10/2022 đến ngày 10/11/2022, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **700.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **54.795đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **645.205đ**.

13. Anh **Lường Văn T8**, sinh năm 1994, trú tại: **khu phố Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** vay **2.000.000đ**, lãi suất 7.500đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 24/7/2023 đến ngày 02/9/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **600.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **43.836đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **556.164đ**.

14. Anh **Phạm Văn A1**, sinh năm 1999, trú tại: **thôn X, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** vay **6.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 31/10/2022 đến ngày 20/11/2022, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi

600.000đ. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **65.753đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **534.247đ**.

15. Anh **Phan Văn T9**, sinh năm 1997, trú tại: **T, V, S, Tuyên Quang** vay **12.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 23/11/2022 đến ngày 03/12/2022, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **600.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **65.753đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **534.247đ**.

16. Anh **Hoàng Hải S1**, sinh năm 1981, trú tại: **Làng N, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên** vay **2.000.000đ**, lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 31/7/2023 đến ngày 10/9/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **560.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **43.836đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **516.164đ**.

17. Anh **Lương Thế K1**, sinh năm 2004, trú tại: **Xóm Y, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An** vay **5.000.000đ**, lãi suất từ 5.000đ - 7.000đ/1 triệu/1 ngày, vay 02 lần, cụ thể: *Từ ngày 31/7/2023 đến ngày 20/8/2023 và từ ngày 04/8/2023 đến ngày 24/8/2023*, thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave biển kiểm soát 37H1-468.49, trả tiền mặt lãi **540.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **54.795đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **485.205đ**.

18. Anh **Phạm Văn B3**, sinh năm 1982 trú tại: **khu phố T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** vay **5.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 21/11/2022 đến ngày 11/12/2022, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **500.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **54.795đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **445.205đ**.

19. Anh **Lương Minh K2**, sinh năm 1999, trú tại: **bản P, xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai** vay **10.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 04/9/2023 đến ngày 14/9/2023, thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vision biển kiểm soát 24B2-872.39, trả tiền mặt lãi **500.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **54.795đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **445.205đ**.

20. Anh **Ngô Văn C6**, sinh năm 1996, trú tại: **bản C - Cồn V, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn** vay **10.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 16/5/2023 đến ngày 26/5/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **500.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **54.795đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **445.205đ**.

21. Chị **Nguyễn Thị Á**, sinh năm 1999, trú tại: **Xóm F, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định** vay **15.000.000đ**, lãi suất 3.267đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 16/11/2022 đến ngày 26/11/2022, thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vision

biển kiểm soát 18H1-472.38, trả tiền mặt lãi **490.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **82.192đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **407.808đ**.

22. Chị **Lương Thị T10**, sinh năm 1995 trú tại: **xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An** vay **6.000.000đ**, lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 12/11/2022 đến ngày 22/11/2022, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt và chuyển khoản tiền lãi **420.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **32.877đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **387.123đ**.

23. Anh **Nông Văn T11**, sinh năm 1982, trú tại: **thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang** vay **5.000.000đ**, lãi suất 7.500đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 16/10/2022 đến ngày 26/10/2022, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **375.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **27.397đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **347.603đ**.

24. Anh **Lò Văn T12**, sinh năm 2001, trú tại: **Bản L, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu** vay **2.000.000đ**, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 28/11/2022 đến ngày 13/12/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **300.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **16.438đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **283.562đ**.

25. Anh **Vi Văn T13**, sinh năm 1989, trú tại: **thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa** vay **6.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 05/8/2023 đến ngày 15/8/2023, tín chấp đăng ký xe, xe mô tô, trả tiền mặt lãi **300.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **32.877đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **267.123đ**.

26. Anh **Nông Văn H9**, sinh năm 2002, trú tại: **thôn X, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng** vay **6.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 22/5/2023 đến ngày 01/6/2023, thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave biển kiểm soát 11B1-379.37, trả tiền mặt lãi **300.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **32.877đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **267.123đ**.

27. Anh **Nông Văn N3**, sinh năm 1993, trú tại: **Bản T, xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang** vay **4.000.000đ**, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 23/12/2022 đến ngày 02/01/2023, thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter biển kiểm soát 23H1-214.06, trả tiền mặt lãi **200.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **21.918đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **178.082đ**.

28. Anh **Nông Văn H10**, sinh năm 1992, trú tại: **xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn** vay **2.000.000đ**, lãi suất 7.500đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn từ ngày 09/7/2023 đến ngày

19/07/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **150.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **10.959đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **139.041đ**.

29. Anh **Lường Văn T14**, sinh năm 1994, trú tại: **Xóm C, xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình** vay **2.000.000đ**, lãi suất 7.500đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 07/9/2023 đến ngày 17/09/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **150.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **10.959đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **139.041đ**.

30. Chị **Trương Thị B4**, sinh năm 2000, trú tại: **thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa** vay **2.000.000đ**, lãi suất 7.500đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 27/8/2023 đến ngày 06/9/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **150.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **10.959đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **139.041đ**.

31. Anh **Đoạn Văn Đ**, sinh năm 1994, trú tại: **xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang** vay **2.000.000đ**, lãi suất 7.500đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 24/8/2023 đến ngày 03/9/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **150.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **10.959đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **139.041đ**.

32. Anh **Trần Văn Q**, sinh năm 1992, trú tại: **khu phố Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** vay **2.000.000đ**, lãi suất 7.500đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 15/8/2023 đến ngày 25/8/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **150.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **10.959đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **139.041đ**.

33. Chị **Nông Thị L2**, sinh năm 1985, trú tại: **xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn** vay **2.000.000đ**, lãi suất 7.500đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 31/5/2023 đến ngày 10/6/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **150.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **10.959đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **139.041đ**.

34. Anh **Phùng Trung K3**, sinh năm 1998, trú tại: **bản N, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn** vay **2.000.000đ**, lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày, vay 02 lần, cụ thể: *Từ ngày 07/11/2022 đến ngày 17/11/2022 và từ ngày 20/5/2023 đến ngày 30/5/2023*, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **140.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **10.958đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **129.042đ**.

35. Anh **Đỗ Văn C7**, sinh năm 1988, trú tại: **Xóm F, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên** vay **1.000.000đ**, lãi suất 7.500đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 10/9/2023 đến ngày 20/9/2023, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **75.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **5.479đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **69.521đ**.

36. Anh **Ngô Xuân L3**, sinh năm 1993, trú tại: **bản N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn** vay **1.000.000đ**, lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 30/10/2022 đến ngày 09/11/2022, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **70.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **5.479đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **64.521đ**.

37. Anh **Ngô Văn K4**, sinh năm 1990, trú tại: **thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang** vay **1.000.000đ**, lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 04/11/2023 đến ngày 14/11/2023, thế chấp điện thoại, trả tiền mặt lãi **70.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **5.479đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **64.521đ**.

38. Anh **Chu Văn T15**, sinh năm 1987, trú tại: **thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** vay **1.000.000đ**, lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay từ ngày 31/10/2022 đến ngày 10/11/2022, tín chấp đăng ký xe mô tô, trả tiền mặt lãi **70.000đ**. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **5.479đ**, **T** thu lợi bất chính số tiền **64.521đ**.

39. Anh **Đàm Văn N4**, sinh năm 1994, trú tại: **Bản N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng** vay **1.000.000**, lãi suất 7.000đ/ 1 triệu/ ngày, thời hạn vay từ 04/9/2023 đến 04/10/2023 tín chấp giấy phép lái xe, đăng ký xe mô tô, trả lãi sau.

* Tổng số tiền **T** và **T3** cho 39 người vay **315.500.000** đồng, thu được tiền lãi **40.320.000** đồng. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **4.180.375** đồng, thu lợi bất chính số tiền **36.139.625** đồng.

Quá trình điều tra, truy tố các bị can **Nguyễn Văn T**, **Nông Văn H** và **Dương Văn T3** đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại khoản 1, Điều 468, Bộ luật Dân sự quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp pháp luật liên quan có quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

Như vậy, Nhà nước quy định lãi suất cao nhất là 20%/01 năm (12 tháng hoặc 365 ngày) tương đương lãi suất 01 ngày là: 0,000548% hoặc 548 đồng/01 triệu/01 ngày. Các bị can cho vay với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày đến 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cao gấp **5,47 lần** đến **18,24 lần** so với quy định mức lãi suất cao nhất của Nhà nước.

*** Vật chứng thu giữ, phong tỏa tài khoản:**

- **Nguyễn Văn T**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S22 Ultra màu đỏ, lắp sim số 0347.148.789; 01sim điện thoại Vinaphone và số tiền 355.221.634 đồng trong tài khoản **Ngân hàng thương mại cổ phần N5 (V1)** số 0351000816901.

- **Nông Văn H**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh, lắp sim số 0393.421.343 và số tiền 132.523.709 đồng trong tài khoản **Ngân hàng thương mại cổ phần N5 (V1)** số 0351000820222.

- **Dương Văn T3**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 màu xanh, lắp sim số 0989.520.817 và số tiền 7.101.152 đồng trong tài khoản **Ngân hàng thương mại cổ phần N5 (V1)** số 1026369092.

- Số tiền 28.500.000 đồng do những người vay tiền của **T, H, T3** nộp.

- 01 căn cước công dân số 017196006532 (Bản gốc) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 003370 đều mang tên **Đinh Thị Mỹ D**, biển số 28F1-215.02 (Bản sao y).

- 01 phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng số 25678717, xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu sơn trắng đen, số khung RLHJA3652LY010928, số động cơ JA36E-0867024 (Bản gốc).

- 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 0008064, khách hàng **Nguyễn Văn T16**, đề ngày 27/9/2020 của **Công ty V2** (Bản gốc).

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 091688425 (Bản gốc) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 035050 đều mang tên **Triệu Văn C1**, biển số 20B1-839.99 (Bản gốc).

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 082127798 (Bản gốc) và 01 thẻ ATM số 9704078823793456 đều mang tên **Vi Văn M1** của **Ngân hàng T18**.

- 01 căn cước công dân số 038089003826 (Bản gốc) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 001012 đều mang tên **Vi Văn T13**, biển số 36H1 - 098.98 (Bản gốc).

- 01 căn cước công dân số 020092007900 (Bản gốc) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 003993 đều mang tên **Nông Văn H10**, biển số 12T1-110.14 (Bản gốc).

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 073404032 (Bản gốc) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 001043 đều mang tên **Đoạn Văn Đ**, biển số 23B1-643.02 (Bản gốc).

- 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 21A.8003763, tên hộ kinh doanh mang tên **Nguyễn Văn H11** do Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc **U** cấp ngày 15/3/2022 (Bản gốc).

- 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 21A.8006782, tên hộ kinh doanh mang tên **Đàm Văn T17** do Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc **U** cấp ngày 19/4/2019 (Bản gốc).

- 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự số 17/2019, tên chủ cơ sở kinh doanh mang tên **Đàm Văn T17** do **Công an T** cấp ngày 31/5/2019 (Bản gốc).

- 01 hợp đồng ủy quyền số 0322.2022/HĐUQ, đề ngày 21/01/2022, bên ủy quyền là **Đàm Văn T17**, bên được ủy quyền là **Nguyễn Văn T** (Bản gốc).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đỏ đen, số khung RLHJA3113EY176737, số máy JA31E0322858, biển số 12T1-101.86.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại KC440, màu sơn trắng đen, số khung RLHKC4400NY015558, số máy KC34E5020328, biển số 28F1-215.02 (Kèm theo chìa khóa xe).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại JA365 BLADE, màu sơn trắng đen, số khung RLHJA3652LY010928, số máy JA36E-0867024, không gắn biển số (Kèm theo chìa khóa xe).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn đen bạc, số khung RLHJA3929MY109409, số máy JA39E2226699, biển số 36H1-098.98 (Kèm theo chìa khóa xe).

* Tại bản Kết luận giám định số 96 ngày 20/12/2023 về số khung, số máy của 04 xe mô tô thu giữ (Xe Honda Wave đeo biển số 12T1-101.86, xe Honda đeo biển số 28F1-215.02, xe Honda Wave đeo biển số 36H1-098.98 và xe Honda, số loại JA365 BLADE không đeo biển số của **Phòng K5 Công an tỉnh B** kết luận: *Số khung và số máy nêu trên của các xe không bị tẩy xóa, không bị đóng đục lại, hàng chữ trên thân máy, trên khung xe là nguyên thủy.*

* Tiến hành xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, kết quả: Xe mô tô biển kiểm soát 28F1-215.02 đăng ký ngày 22/7/2022, chủ xe là chị **Đinh Thị Mỹ D**, sinh năm 1996, trú tại: **khu phố L, thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình**; xe mô tô biển kiểm soát 12T1-101.86 đăng ký ngày 30/12/2015, chủ xe là **Ngọc Văn H4**, sinh năm, trú tại **N, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn**; xe mô tô biển kiểm soát 36H1-098.98 đăng ký ngày 12/7/2021, chủ xe là **Vi Văn T13**, trú tại **T, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa** và xe mô tô không gắn biển kiểm soát, số loại JA365 BLADE số khung RLHJA3652LY010928, số máy JA36E-0867024 không có trong cơ sở dữ

liệu xe máy vật chứng.

* Quá trình điều tra ngày 21/12/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đỏ đen, số khung RLHJA3113EY176737, số máy JA31E0322858, biển kiểm soát 12T1-101.86 cho anh Ngọc Văn H4 và 18 bộ hồ sơ cho những người vay.

Với nội dung trên, bản Cáo trạng số 13/CT-VKSBN-P1 ngày 23/02/20234 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nông Văn H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Dương Văn T3 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, không oan. Các bị cáo trình bày do không có công ăn việc làm và muốn kiếm tiền nhanh nên đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa gồm: chị Đinh Thị Mỹ D, anh Hạc Văn H12, anh Xin Văn A và anh Nguyễn Văn C4 trình bày: đều xác nhận lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là đúng và đều khẳng định có vay tiền của các bị cáo với mức lãi xuất là từ 5 đến 7 nghìn đồng/1 triệu/1 ngày. Những người liên quan đều khẳng định việc vay mượn là hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên mức lãi suất các bị cáo lấy là quá cao nên yêu cầu các bị cáo phải trả lại khoản lãi vượt quá quy định của pháp luật. Đến nay, anh C4 đã trả tiền gốc, chị D chưa trả được tiền gốc, còn anh D1 và anh Xin Văn A mỗi người đã nộp 1 triệu đồng tiền gốc tại cơ quan điều tra.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra đều khai nhận về số tiền vay gốc và lãi theo danh sách mà cơ quan điều tra đã xác định là đúng và yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nông Văn H và Dương Văn T3 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (thêm điểm u

khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo **T**), điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Văn T** từ 15 đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo **Nông Văn H** từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Dương Văn T3** từ 50 đến 60 triệu đồng.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Đề nghị truy thu của bị cáo **T** tổng cộng là 711.942.740 đồng và buộc bị cáo tới phải trả lại 153.146.712 đồng cho những người liên quan theo đúng quy định của pháp luật.; truy thu của bị cáo **H** 120 triệu đồng và bị cáo **T3** 84 triệu đồng.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước, gồm: 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy S22 Ultra của bị cáo **T**, 01 chiếc điện thoại Iphone 11 màu xanh của bị cáo **H**, 01 chiếc điện thoại Redmi Note 7 màu xanh của bị cáo **T3**.

- Tiếp tục duy trì lệnh phong tỏa tài khoản của các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nông Văn H**, **Dương Văn T3** để đảm bảo thi hành án.

- Đối với xe máy, căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân, đăng ký xe mô tô là những giấy tờ, tài sản hợp pháp, không liên quan đến tội phạm nên đề nghị trả lại cho những người liên quan nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo **T**, **H**, **T3** đều không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người liên quan đều nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B**; Điều tra viên **Công an tỉnh B**, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định

tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản thu giữ, các tài liệu chuyển hóa số liệu từ sổ sách thu giữ tại các địa điểm cho vay cầm cố của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Từ đầu năm 2022 đến năm 2023, **Nguyễn Văn T** là chủ 02 cửa hàng dịch vụ cầm đồ “Đàm Tuyền” và “**Nguyễn H11**”, cùng địa chỉ tại: **khu Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** đã trực tiếp cùng với **Nông Văn H** và **Dương Văn T3** nhiều lần cho 57 người khác vay tổng số tiền cho vay **873.000.000** đồng, với mức lãi suất từ 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày đến 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày, số tiền lãi đã thu là **178.590.000** đồng, số tiền lãi được Nhà nước cho phép là **25.443.386** đồng, số tiền thu lời bất chính là **153.146.614** đồng, cao gấp **5,47** lần đến **18,24** lần so với quy định mức lãi suất cao nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật dân sự. Cụ thể:

Nông Văn H giúp sức cho **T** cho 18 người vay là **557.500.000** đồng, thu được tiền lãi **138.270.000** đồng. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **21.263.011** đồng, **T** thu lời bất chính số tiền **117.006.989** đồng.

Dương Văn T3 giúp sức cho **T** cho 39 người vay **315.500.000** đồng, thu được tiền lãi **40.320.000** đồng. Mức tiền lãi được Nhà nước cho phép là **4.180.375** đồng, thu lời bất chính số tiền **36.139.625** đồng

Do vậy, hành vi của các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nông Văn H** đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, bị cáo **Dương Văn T3** đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính. Các bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người vay tiền để cho vay với lãi suất cao gấp nhiều lần quy định của pháp luật, thu lợi bất chính, làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của nhiều gia đình và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo theo pháp luật hình sự để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo **Nguyễn Văn T** giữ vai trò chính, là người khởi sự,

chuẩn bị vốn, điều hành ở cả hai cơ sở và hưởng lợi bất chính toàn bộ số tiền lãi thu được; bị cáo **H** được **T** thuê làm nhân viên tham gia giúp sức tích cực cho bị cáo **T**, trực tiếp cho 18 người vay tiền và thu lợi bất chính số tiền lớn nhất 121.149.452 đồng nên giữ vai trò thứ hai; bị cáo **T3** là đối tượng được **T** thuê làm nhân viên và được hưởng lương hàng tháng nên giữ vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, HĐXX nhận thấy:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS): Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo **T3** phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **T** có công tố giác tội phạm được công an huyện **G**, tỉnh Bắc Ninh có thư khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 BLHS. Trước khi xét xử các bị cáo **T**, **H** đều nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả, bị cáo tích cực ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa xã **T**, huyện **G** số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo **T3** đầu thú, bị cáo **H** có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên các bị cáo đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS): Bị cáo **T** và **H** phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **T3** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy: Mặc dù bị cáo **T**, **H** phạm tội nhiều lần nhưng đều là tội ít nghiêm trọng, bị cáo **H** là người làm thuê, giúp sức cho **T**, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly bị cáo **T** và bị cáo **H** ra khỏi xã hội mà cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện.

Đối với bị cáo **T3** phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo chỉ là người làm thuê cho bị cáo **T**, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy, chỉ cần phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ giáo dục và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và áp dụng các biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền bị cáo **T** cho vay là 873.000.000 đồng và khoản tiền lãi là 25.443.386 đồng. Tổng cộng là 898.443.386 đồng được xác định là phương tiện phạm tội. Vì vậy cần tuyên truy thu sung ngân sách Nhà nước đối với toàn bộ số tiền của bị cáo như đã nói trên. Tuy nhiên, do có 27 người vay tiền của bị cáo **T** chưa trả bị cáo tiền gốc nên cần đối trừ với khoản tiền gốc của 27 người vay chưa trả cho **T** là 186.500.000 đồng và buộc 27 người này có trách nhiệm nộp trả lại để sung ngân sách nhà nước. Như vậy bị cáo **T** phải bị truy thu tổng cộng là 711.943.386 đồng. Đối với số tiền 153.146.614 đồng là tiền bị cáo thu lời bất chính nên cần buộc bị cáo **T** phải trả lại cho những người liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo **Nông Văn H** và **Dương Văn T3** trình bày: quá trình làm thuê cho bị cáo **T** được Tới trả tiền lương hàng tháng từ công việc cho vay lãi nặng, **H** đã được **T** trả 120 triệu đồng và **T3** được trả 84 triệu đồng. Đây là tiền do đã thực hiện hành vi phạm tội được **T** trả công cho **H** và **T3** nên cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6]. Về xử lý vật chứng

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước, gồm: 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy S22 Ultra của bị cáo **T**, 01 chiếc điện thoại Iphone 11 màu xanh của bị cáo **H**, 01 chiếc điện thoại Redmi Note 7 màu xanh của bị cáo **T3**.

- Đối với xe máy, căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân, đăng ký xe mô tô... là những giấy tờ, tài sản hợp pháp, không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho những người liên quan nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tiếp tục duy trì lệnh phong tỏa tài khoản của các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nông Văn H**, **Dương Văn T3** để đảm bảo thi hành án.

[7]. Những nội dung liên quan trong vụ án:

- Đối với **Nguyễn Văn T** có hành vi hoạt động kinh doanh ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự khi chưa được Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B** đã có văn bản đề nghị **Công an thành phố B**, tỉnh Bắc Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **Nguyễn Văn T** là phù hợp.

- Đối với **Đàm Văn T17** và **Nguyễn Văn H11** có hành vi cho **Nguyễn Văn T** mượn Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để **T** sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào hoạt động cầm đồ, cho vay lãi. Tuy nhiên, **T17**, **H11** không biết việc **T** cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, không được chia lợi nhuận hoặc hưởng lợi gì từ hoạt động này, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B** đã có văn bản đề nghị **Công an thành phố B**, tỉnh Bắc Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **Đàm Văn T17** và **Nguyễn Văn H11** là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nông Văn H**, **Dương Văn T3** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (áp dụng thêm điểm u khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo **T**); điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt:

+ Bị cáo **Nguyễn Văn T** 15 (Mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Bị cáo **Nông Văn H** 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Dương Văn T3** 50 (Năm mươi) triệu đồng.

Giao bị cáo **Nguyễn Văn T** cho **UBND xã T**, **huyện G**, **tỉnh Bắc Ninh** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Nông Văn H** cho **UBND xã Q**, **huyện T**, **tỉnh Lạng Sơn** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Nguyễn Văn T** phải trả lại cho những người có quyền, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi thu lợi bất chính. Cụ thể:

1. Phùng Quang Khải 52.945.205đ;
2. Trương Thị H13 37.780.000đ;
3. Triệu Văn Chiến 13.000.000đ;
4. Chị Nguyễn Hồng N 4.524.658đ;
5. Anh Đinh Công T4 4.142.466đ;
6. Đinh Thị Mỹ Duyên 3.561.644đ;
7. Anh Bùi Văn C2 1.390.411đ;
8. Anh Ngô Văn H3 1.380.822đ;
9. Nguyễn Văn L 934.932đ;
10. Vi Văn May 667.808đ;
11. Ngọc Văn H4 139.041đ;
12. Vũ Ngọc H5 139.041đ;
13. Hà Thị N1 129.041đ;
14. Ngân Văn Lý 91.781đ;
15. Hạc Văn D1 64.521đ;
16. Lê Trần H6 64.521đ;
17. trương Thị Bích 64.521đ;
18. Hoàng Văn S 64.521đ;
19. Xin Văn A 64.521đ;
20. Anh Nguyễn Văn C3 6.089.489đ;
21. Anh Nguyễn Văn C4 5.342.466đ;
22. Anh Nguyễn Đăng B1 3.432.877đ;
23. Lê Thanh H7 2.780.821đ;
24. Anh Đàm Minh H8 1.946.575đ;
25. Anh Hoàng Kim C5 1.068.493đ;
26. Nguyễn Thị T5 890.411đ;
27. Anh Nguyễn Văn T6 838.767đ;
28. Anh Bùi Văn B2 834.247đ;
29. Anh Hoàng Văn T7 801.370đ;
30. Anh Di A N2 645.205đ;
31. Anh Lường Văn T8 556.164đ;
32. Anh Phạm Văn A1 534.247đ;
33. Anh Phan Văn T9 534.247đ;
34. Hoàng Hải S1 516.164đ;
35. Anh Lương Thế K1 485.205đ;

36. Anh **Phạm Văn B3** 445.205đ;
37. Anh **Lương Minh K2** 445.205đ;
38. Anh **Ngô Văn C6** 445.205đ;
39. Chị **Nguyễn Thị Ánh 4**;
40. Chị **Lương Thị T10** 387.123đ;
41. Anh **Nông Văn T11** 347.603đ;
42. Anh **Lò Văn T12** 283.562đ;
43. Vi Văn Tình 267.123đ;
44. Anh **Nông Văn H9** 267.123đ;
45. Anh **Nông Văn N3** 178.082đ;
46. **Nông Văn H10** 139.041đ;
47. **Lường Văn T14** 139.041đ;
48. **Trương Thị B4** 139.041đ;
49. **Đoạn Văn Đ** 139.041đ;
50. **Trần Văn Q** 139.041đ;
51. **Nông Thị Liên** 139.041đ;
52. Anh **Phùng Trung K3** 129.042đ;
53. **Đỗ Văn C7** 69.521đ;
54. Anh **Ngô Xuân L3** 64.521đ;
55. Anh **Ngô Văn K4** 64.521đ;
56. Anh **Chu Văn T15** 64.521đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 129 Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu đối với bị cáo **Nguyễn Văn T** số tiền 711.943.386 đồng; bị cáo **Nông Văn H** là 120.000.000 đồng; bị cáo **Dương Văn T3** là 84.000.000 đồng. Xác nhận

bị cáo **T** đã nộp 55.000.000 đồng và bị cáo **H** đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000311 ngày 12/4/2024; số 0000321 và 0000322 cùng ngày 24/4/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Buộc 27 người vay phải trả lại số tiền gốc là 186.500.000 đồng chưa trả bị cáo **T** để sung ngân sách nhà nước. Cụ thể như sau:

1. Anh **Lê Thanh H7**: 2.000.000 đồng;
2. Anh **Lường Văn T8**: 2.000.000 đồng;
3. Anh **Hoàng Hải S1**: 2.000.000 đồng;
4. Anh **Lường Văn T14**: 2.000.000 đồng;
5. Chị **Trương Thị B4**: 2.000.000 đồng;
6. Anh **Trần Văn Q**: 2.000.000 đồng;
7. Chị **Nông Thị L2**: 2.000.000 đồng;
8. Anh **Đàm Văn N4**: 1.000.000 đồng;
9. Anh **Đỗ Văn C7**: 1.000.000 đồng;
10. Anh **Ngọc Văn H4**: 2.000.000 đồng;
11. Anh **Vũ Ngọc H5**: 2.000.000 đồng;
12. Chị **Hà Thị N1**: 2.000.000 đồng;
13. Anh **Ngân Văn L1**: 1.500.000 đồng;
14. Anh **Hạc Văn D1**: 1.000.000 đồng;
15. Anh **Lê Trần H6**: 1.000.000 đồng;
16. Chị **Trương Thị B**: 1.000.000 đồng;
17. Anh **Hoàng Văn S**: 1.000.000 đồng;

18. Anh **Xin Văn A**: 1.000.000 đồng (*Xác nhận 18 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên đã nộp 28.500.000 đồng cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng tài sản*);

19. Anh **Phùng Quang K**: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);
20. Chị **Trương Thị Hồng V**: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng);
21. Anh **Triệu Văn C1**: 8.000.000 đồng (tám triệu đồng);
22. Chị **Đinh Thị Mỹ D**: 8.000.000 đồng (tám triệu đồng);
23. Anh **Nguyễn Văn L**: 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng);
24. Anh **Vi Văn M1**: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng);
25. Anh **Vi Văn T13**: 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng);
26. Anh **Nông Văn H10**: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng);
27. Anh **Đoạn Văn Đ**: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy

S22 Ultra của bị cáo **T**, 01 chiếc điện thoại Iphone 11 màu xanh của bị cáo **H**, 01 chiếc điện thoại Redmi Note 7 màu xanh của bị cáo **T3**.

- Tiếp tục duy trì lệnh phong tỏa tài khoản số 72,73,74/LPT-PC02 ngày 01/11/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B** đối với toàn bộ số tiền 355.221.634 đồng trong tài khoản số 0351000816901 tại **Ngân hàng thương mại cổ phần N5 (V1)** của bị cáo **Nguyễn Văn T**; số tiền 132.523.709 đồng trong tài khoản **Ngân hàng thương mại cổ phần N5 (V1)** số 0351000820222 của bị cáo **Nông Văn H** và số tiền 7.101.152 đồng trong tài khoản **Ngân hàng thương mại cổ phần N5 (V1)** số 1026369092 của bị cáo **Dương Văn T3** để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho chị **Đinh Thị Mỹ D** 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại KC440, màu sơn trắng đen, số khung RLHKC4400NY015558, số máy KC34E5020328, biển số 28F1-215.02 (Kèm theo chìa khóa xe); 01 căn cước công dân số 017196006532 (Bản gốc) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 003370 đều mang tên **Đinh Thị Mỹ D**, biển số 28F1-215.02 (Bản sao y) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho anh **Vi Văn T13** 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn đen bạc, số khung RLHJA3929MY109409, số máy JA39E2226699, biển số 36H1-098.98 (Kèm theo chìa khóa xe); 01 căn cước công dân số 038089003826 (Bản gốc) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 001012 đều mang tên **Vi Văn T13**, biển số 36H1 - 098.98 (Bản gốc) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho anh **Nguyễn Văn L** 01 phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng số 25678717, xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu sơn trắng đen, số khung RLHJA3652LY010928, số động cơ JA36E-0867024 (Bản gốc); 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 0008064, khách hàng **Nguyễn Văn T16**, đề ngày 27/9/2020 của **Công ty V2** (Bản gốc) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho anh **Triệu Văn C1** 01 giấy chứng minh nhân dân số 091688425 (Bản gốc) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 035050 đều mang tên **Triệu Văn C1**, biển số 20B1-839.99 (Bản gốc).

- Trả lại cho anh **Vi Văn M1** 01 giấy chứng minh nhân dân số 082127798 (Bản gốc) và 01 thẻ ATM số 9704078823793456 đều mang tên **Vi Văn M1** của **Ngân hàng T18**.

- Trả lại cho anh **Nông Văn H10** 01 căn cước công dân số 020092007900 (Bản gốc) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 003993 đều mang tên **Nông Văn H10**, biển số 12T1-110.14 (Bản gốc).

- Trả lại cho anh **Đoạn Văn Đ** 01 giấy chứng minh nhân dân số 073404032 (Bản gốc) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 001043 đều mang tên **Đoạn Văn Đ**, biển số 23B1-643.02 (Bản gốc).

- Trả lại anh **Nguyễn Văn H11** 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 21A.8003763, tên hộ kinh doanh mang tên **Nguyễn Văn H11** do Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc **U** cấp ngày 15/3/2022 (Bản gốc).

- Trả lại anh **Đàm Văn T17** 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 21A.8006782, tên hộ kinh doanh mang tên **Đàm Văn T17** do Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc **U** cấp ngày 19/4/2019 (Bản gốc); 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự số 17/2019, tên chủ cơ sở kinh doanh mang tên **Đàm Văn T17** do **Công an T** cấp ngày 31/5/2019 (Bản gốc).

- Lưu hồ sơ 01 hợp đồng ủy quyền số 0322.2022/HĐUQ, đề ngày 21/01/2022, bên ủy quyền là **Đàm Văn T17**, bên được ủy quyền là **Nguyễn Văn T** (Bản gốc).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 28.500.000 đồng đã được chuyển vào tài khoản 3949.0.1054440 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh tại **kho bạc nhà nước B5** theo giấy nộp tiền ngày 16/01/2024 để đảm bảo thi hành án.

(Số vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 60 ngày 23/02/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nông Văn H**, **Dương Văn T3** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ 1- TAND tối cao; TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Trại TG- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PV 26- CA tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Quốc Khánh, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn ;
- UBND UBND xã Thái Bảo, huyện Gia Bình,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hòa

tỉnh Bắc Ninh;

- Những người tham gia tổ tụng;

- Lưu HS, VP.